

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, VIỆT NAM VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VN 1936-1939

1. Tình hình thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933

1.1 Tình hình thế giới 1929 - 1933

Từ giữa những năm 30 của thế kỉ XX, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) đã kết thúc, nhưng hậu quả vẫn còn tác động nặng nề đến nhiều nước tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn xã hội vốn có trong lòng mỗi nước tư bản và mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng gay gắt.

Trong thời gian này, Liên Xô đang trên con đường phát triển, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ 3(1933-1937). Phong trào cách mạng và giải phóng cách mạng và giải phóng dân tộc bùng nổ nhiều nơi.

Trong hoàn cảnh đó, giới cầm quyền một số nước tư bản đã tìm lối thoát bằng cách đưa đất nước vào con đường phát xít hóa.Chúng chuyển toàn bộ nền kinh tế phục vụ cho guồng máy chiến tranh, thi hành những chính sách mị dân, lừa phỉnh, kết hợp với sử dụng bạo lực

đàn áp lực lượng tiến bộ trong nước và những người chống đối; gieo rác tư tưởng phân biệt chủng tộc, vô văn, chuẩn bị chiến tranh để nô dịch, cướp bóc các dân tộc khác. Thế lực của bọn phát xít và chủ nghĩa phát xít ngày càng lớn mạnh.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, chủ nghĩa phát xít batứ đầu hình thành ở Italia(cuối 1922).Năm 1935, Italia xâm lược Abitxini (nay là Éthiopie), uy hiếp Ai Cập, Iran, Irắc (thuộc khu vực ảnh hưởng của Anh).Lò lửa chiến tranh thứ nhất hình thành.

Ở Đức, chủ nghĩa phát xít ra đời sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1933). Năm 1936, Hítle đưa quân vào hat Rhin, trực tiếp đe dọa Pháp.Lò lửa chiến tranh thứ hai xuất hiện ở châu Âu.

Chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản hình thành năm 1932. Năm 1937, Nhật Bản tiến hành xâm lược ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc. Giới quân phiệt Nhật Bản tích cực chuẩn bị chiến tranh giành quyền lợi của Anh, Pháp, Mỹ ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Lò lửa chiến tranh thứ ba đã hình thành ở châu Á.

Các thế lực phát xít liên kết thành một khối. Ngày 25-11-1936, Nhật Bản và Đức kí kết “Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản”.Tháng 11-1937, Italia cũng tham gia kí kết hiệp ước nói trên. Hình thành trục phát xít Beclin-

Tokyo-Roma.

Chủ nghĩa phát xít còn xuất hiện ở nhiều nước khác, như Ba Lan, Búngi, Nam Phi, Hungary, Rumani..., sang Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Mỹ. Nguyên cơ phát xít và chiến tranh đe dọa cả nhân loại.

Tháng 7 năm 1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản được triệu tập ở Matxcova với 65 đoàn đại biểu đại diện cho các Đảng Cộng sản trên thế giới. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu, lần đầu tiên tham dự Đại hội của Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đang công tác tại Liên Xô, được Đảng Cộng sản Đông Dương cử là đại biểu chính thức của đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản giải quyết nhiều vấn đề quan trọng của phong trào cộng sản quốc tế, trong đó có những vấn đề chủ yếu sau:

- Xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

- Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân chưa phải là đấu tranh đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa tư bản, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành dân chủ và bảo vệ hòa bình.

-Về công tác tổ chức, thiết lập khối liên minh giữa giai cấp nông dân và công dân, trên cơ sở đó thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

Đối với các nước thuộc địa, nửa thuộc địa xây dựng mặt trận thống nhất chống đế quốc, mặt trận đó có tầm quan trọng đặc biệt trong cuộc đấu tranh của mỗi nước ở mỗi thời điểm này.

Trong Báo cáo đọc trước Đại hội, Dimitroff Tổng Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã nhận định:

“Chủ nghĩa phát xít chính là sự tiến công tàn bạo nhất của tư bản chống lại quần chúng lao động. Chủ nghĩa phát xít chính là chủ nghĩa sô vanh đến cực điểm và là chiến tranh xâm lược” và “ Chủ nghĩa phát xít nắm chính quyền là nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính”

Đồng thời khẳng định:

“Ngày nay, trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa, quần chúng lao động trước mắt phải lựa chọn một cách cụ thể không phải giữa nền chuyên chính vô sản với chế độ dân chủ tư sản, mà là giữa chế độ dân chủ tư sản với chủ nghĩa phát xít”

Đại hội vạch rõ: Kẻ thù trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới lúc này là chủ nghĩa phát xít, nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, giành dân chủ và hòa bình, bảo vệ Liên Xô.

Đối với Đông Dương, Đại hội đã đánh giá cao những thành tích đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong phong trào 1930-1931 và thời kì khủng bố trắng 1932-1935, công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một đội ngũ kiên cường trong phong trào cộng sản quốc tế.

Nghị quyết đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã kịp thời giúp các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh từng nước, đòi thống nhất hành động cánh mạng của giai cấp công nhân thế giới trong một mục tiêu chung.

Lúc này, phong trào chống phát xít ở một số nước đã giành được thắng lợi quan trọng. Ở Trung Quốc, hồng quân tiến hành nhiều cuộc hành quân chiến lược lên phía Bắc, lấy ba tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ làm căn cứ, phá tan âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng của quân phiệt Nhật.

Cuối năm 1936, sau sự biến Tây An, Tưởng Giới Thạch buộc phải bắt tay với Đảng Cộng sản Trung Quốc để chống Nhật. Mặt trận dân tộc thống nhất được hình thành gồm Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung Hoa Quốc dân Đảng và các lực lượng dân chủ, yêu nước chống Nhật. Để mở rộng Mặt trận, Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương sửa đổi một số chính sách, như tạm thời đình chỉ việc thực hiện khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của địa chủ.

Ở châu Âu, Mặt trận Nhân dân Tây Ban Nha đã giành thắng lợi trong kì tuyển cử đầu năm 1936. Trên cơ sở thắng lợi đó, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Tây Ban Nha được thành lập.

Tại Pháp, đầu năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập bao gồm: Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội, Đảng Cấp tiến, Tổng liên đoàn lao động và các đoàn thể quần chúng của ba đảng trên.

Tháng 5-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và đứng ra lập Nội các mới do lãnh tụ Đảng Xã hội Léon Blum làm Thủ tướng. Chính phủ này vẫn nằm trong khuôn khổ chính quyền tư sản. Nó vẫn duy trì hệ thống thuộc địa như cũ. Tuy nhiên, trước sự đấu tranh của Đảng Cộng sản Pháp và cao trào chống phát xít của nhân dân Pháp, Chính phủ Léon Blum buộc phải thi hành một số điểm mà Cương lĩnh Mặt trận nhân dân đề ra. Đối với thuộc địa, chính phủ Pháp có ba quyết định quan trọng: Thả tù chính trị, thành lập ủy ban điều tra tình hình thuộc địa, đặc biệt là ở Đông Dương và Bắc Phi, thi hành một số cải cách xã hội cho người lao động.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp lên cao. Trong tháng 5 và tháng 6 năm 1936 có 1,5 triệu người bãi công đòi cải thiện đời sống. Cuộc bãi công diễn ra có tổ chức, trật tự. Chính phủ Pháp phải thông qua đạo luật hủy bỏ thuế đánh vào tiền bồi thường tai nạn lao động cho công nhân; quyết định số ngày nghỉ có lương cho công nhân; hủy bỏ Sắc luật quy định giao kèo tập thể.

Ở châu Phi, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa Pháp có những dấu hiệu mới. Ngày 2-8-1936, Đại hội lần thứ hai của Mặt trận Nhân dân Algérie được triệu tập. Đại hội quyết định cử đoàn đại biểu đi Paris mang bản thỉnh cầu đến Bộ trưởng Bộ Nội vụ Mác Đô (Marx Dore). Bản

thỉnh cầu yêu cầu bỏ luật dân bản xứ, thi hành những luật xã hội cho nhân dân lao động mức tiền lương tối thiểu hàng ngày cho công nhân, thi hành luật ân xá...

Tại Tuynidi, một cuộc mit tinh lớn chưa từng có được tổ chức ở Thủ đô, hoan nghênh Chính phủ do mặt trận Nhân dân cử ra, đòi quyền tự do, dân chủ. Chính quyền thực dân phải hứa thực thi một số cải cách xã hội.

Tại Maroc, Ủy ban hành động được thành lập; tại Sênêgan, Ủy ban của mặt trận Nhân dân tổ chức cuộc biểu tình nhân ngày kỉ niệm Cách mạng Pháp 14-7-1936.

1.2 Tình hình trong nước sau khủng hoảng kinh tế 1929-1933

Ở Việt Nam, tình hình kinh tế có những thay đổi đáng kể, tuy nhịp độ diễn ra chậm. Ngân hàng Đông Dương chi phối toàn bộ hoạt động kinh tế trực tiếp hoặc gián tiếp, nó điều khiển các công ty tư bản chủ yếu về nông, công, thương nghiệp, vận tải, vì vốn dân ta chiếm một tỉ trọng lớn trong các công ty đó. Vốn đầu tư của tư bản Pháp hạn chế, nhưng do bất lợi nhân công rẻ mạt, nên có siêu lợi nhuận cao so với các nước đế quốc khác như Anh, Hà Lan.

Tổng số vốn đầu tư vào Đông Dương của Pháp tính đến năm 1940 là 10-12 tỉ Phơ răng, nhưng lợi nhuận chuyển về Pháp, năm 1936 hơn 1 tỉ Phơ răng, năm 1937 là 1,9 tỉ Phơ răng, chưa kể một phần lợi nhuận đã nhập thêm vào vốn.

Về nông nghiệp: Năm 1936, Thống sứ Bắc Kỳ ra Nghị định cấp không cho những công dân Pháp làm đơn xin đất với diện tích dưới 500 ha để lập làng mới. Trong những năm 1936-1939, tại đồng bằng Bắc Kỳ có 1.933.000 xuất di dân thì 968.000 người không có ruộng. Ở Trung Kỳ, số người không có ruộng và có ruộng dưới 0,5 ha ở tỉnh Quảng Trị chiếm 69,5%, ở tỉnh Thừa thiên là 78%, Bình Định 74%, Phú Yên và Khánh Hòa là 50,9%. Ở Nam Kỳ, 909 địa chủ chiếm hữu hơn 480.000 ha, trung bình 530ha/người. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế, phần lớn ruộng đất tập trung vào tay tư sản Pháp và một số ít vào tay địa chủ, quan lại người Việt. Trong toàn quốc, khoảng 2/3 hộ nông dân không có ruộng hoặc ít ruộng (khoảng 13-14 triệu người). Đại bộ phận đất đai nông nghiệp độc canh trồng lúa, phần còn lại trồng hoa màu.

Các đồn điền trồng cây công nghiệp phân bố ở Nam Kỳ và Trung Kỳ. tính đến năm 1939, tổng số diện tích trồng cao su ở Việt Nam là 86.682 ha. Vào đầu năm 1937, Việt Nam có 920 đồn điền (Nam Kỳ có 902 đồn điền, Trung Kỳ có 17 đồn điền, Bắc Kỳ có 1 đồn điền) trong tổng số 1.005 đồn điền toàn Đông Dương. Đại đa số các đồn điền này nằm trong tay tư

bản nước ngoài.

Kinh doanh bằng cách các đồn điền cao su của các nhà tư bản Pháp lãi rất lớn, như Công ti Cao su Xuân Lộc, với 6 triệu Phơ-răng tiền vốn, năm 1937 lãi 4.193 Phơ-răng, năm 1938 lãi 6.146 Phơ-răng, năm 1939 lãi 8.833 Phơ-răng.

Ngoài cao su, tư bản Pháp còn trồng các loại cây công nghiệp khác như cà phê, chè, đay, gai, bông...trước Chiến tranh thế giới thứ hai, diện tích trồng chè ở Đông Dương khoảng 12.000 đến 15.000 ha, sản lượng 10.000 đến 11.000 tấn/năm. Diện tích trồng cà phê năm 1938 khoảng 800-900 ha, sản lượng khoảng 3.000 – 4.000 tấn/năm.

Về công nghiệp: trước hết phải kể đến công nghiệp khai thác mỏ. những năm trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nhu cầu về nguyên liệu chế tạo ngày càng nhiều, vì thế khai mỏ ở Việt Nam tăng dần, nhất là khai thác than. Tổng sản lượng than năm 1936 – 1939 là 9,344 triệu tấn, (năm 1936 là 2,186 triệu tấn, năm 1937 là 2,308 triệu tấn, năm 1938 là 2,235 triệu tấn, năm 1939 là 2,615 triệu tấn).

Ở Đông Dương, than chiếm khoảng 70% tổng giá trị khai khoáng, các khoáng sản khác chỉ chiếm 30%. Đứng sau than là thiếc và Tungsten.